

CHUYỂN ĐỔI CÁC TỔ CHỨC THÔNG TIN KH&CN THEO NGHỊ ĐỊNH 115 CỦA CHÍNH PHỦ

ThS. Nguyễn Tiến Đức
Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia

Đánh giá hiện trạng việc chuyển đổi các tổ chức thông tin KH&CN theo Nghị định 115. Trên cơ sở phân tích thuận lợi, khó khăn đề xuất các kiến nghị cụ thể nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi này.

Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập (Nghị định 115) được ví như “khoản 10” trong khoa học và hứa hẹn sẽ mang lại những sự thay đổi lớn nhằm “cởi trói” chất xám bị kìm hãm lâu nay. Sau hơn 3 năm thực hiện, mặc dù đã đạt được những kết quả bước đầu, nhưng các tổ chức KH&CN, nhất là các tổ chức thông tin KH&CN còn nhiều vướng mắc. Bài viết này tập trung phân tích những thuận lợi và khó khăn mà các tổ chức thông tin KH&CN gặp phải khi triển khai, đồng thời đưa ra một số kiến nghị để Nghị định được đưa vào cuộc sống một cách rộng rãi hơn.

I. Tình hình tổ chức và hiện trạng

Việc triển khai Nghị định 115 của các tổ chức KH&CN công lập, nhất là các tổ chức thông tin KH&CN còn chậm và nhiều khó khăn. Có 5 nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này.

- *Hiểu chưa đúng nội dung, tinh thần của Nghị định 115.* Do công tác tuyên truyền, hướng dẫn của Bộ KH&CN và của các Bộ, ngành, địa phương về nội dung

của Nghị định 115 còn hạn chế nên nhiều tổ chức KH&CN, nhiều cơ quan chủ quản còn nhận thức chưa thật đầy đủ về Nghị định 115, c ngại và chò đợi, thậm chí hiểu sai. Thí dụ “Tự trang trải kinh phí” lại hiểu là phải “tự buôn bán”, bị Nhà nước “bỏ rơi”; nếu là tổ chức KH&CN nghiên cứu cơ bản, chiến lược chính sách thì không phải làm để án chuyển đổi; Nhà nước bắt buộc các tổ chức KH&CN chuyển thành doanh nghiệp, các nhà khoa học phải làm kinh doanh, bỏ nghiên cứu; sau khi đề án được phê duyệt sẽ phải tự trang trải kinh phí ngay, thủ trưởng có quá nhiều quyền sẽ dễ độc đoán, mất dân chủ;...

- *Sự chỉ đạo chưa sát sao và sức ý của cơ chế bao cấp.* Lãnh đạo của nhiều cơ quan chủ quản của các tổ chức KH&CN chưa chỉ đạo quyết liệt, chưa hướng dẫn cụ thể, có tư tưởng chò đợi; thủ tục hành chính rườm rà làm ảnh hưởng tới tiến độ chuyển đổi.

- *Các văn bản hướng dẫn Nghị định 115 được ban hành chậm và không đồng bộ.* Mặc dù Bộ KH&CN và các bên liên quan đã có nhiều cố gắng, song do văn bản hướng dẫn quá nhiều, phức tạp, liên

quan nhiều vấn đề lại cần có ý kiến tham mưu của nhiều cơ quan chức năng nên đã không đảm bảo tiến độ. Có thể nói, đến thời điểm hiện nay (6/2009) các văn bản hướng dẫn mới tương đối đầy đủ.

- *Tâm lý e ngại, không quyết tâm, chò đợi.* Do tiềm lực của các cơ quan KH&CN còn hạn chế, các sản phẩm thiếu khả năng cạnh tranh, thị trường KH&CN mới đang hình thành nên nhiều tổ chức KH&CN bị rơi vào trạng thái trên.

- *Số lượng lớn các tổ chức và sự thay đổi về cơ cấu.* Đây là nguyên nhân, đặc biệt tại Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện KHXH Việt Nam, Viện KHCN Việt Nam,... làm cho thời gian tiến hành phân loại, sắp xếp lại tổ chức, thẩm định Đề án chuyển đổi bị kéo dài.

Phân tích tình hình tổ chức và hiện trạng của các tổ chức thông tin KH&CN công lập sẽ giúp ta hiểu rõ hơn 5 nguyên nhân nói trên.

Sau gần 50 năm phát triển, đến nay Mạng lưới các tổ chức thông tin KH&CN đã rộng khắp từ Trung ương đến địa phương, bao gồm 4 cấp: Cấp quốc gia gồm Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia và 2 trung tâm thông tin chuyên dạng của Bộ KH&CN; 40 cơ quan thông tin KH&CN cấp Bộ, ngành và của các cơ quan thuộc Chính phủ; 63 cơ quan thông tin cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hơn 400 cơ quan thông tin-thư viện tại các viện, trung tâm nghiên cứu và các trường đại học. Bài này chỉ đề cập đến các tổ chức thông tin KH&CN cấp Bộ, ngành và địa phương.

1. Về tổ chức

Khối Trung ương gồm 43 đơn vị:

- Bộ KH&CN có 3 đơn vị là: Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia - cơ quan đứng đầu Mạng lưới thông tin KH&CN; 2 trung tâm thông tin thuộc Tổng cục TC-ĐL-CL và Cục Sở hữu Trí tuệ.

- Các Bộ, ngành có 40 đơn vị với tên gọi khác nhau. Đó là: Viện thông tin- 3 đơn vị; Trung tâm thông tin trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ- 28 đơn vị; Trung tâm thông tin thuộc viện nghiên cứu đầu ngành- 6 đơn vị; Phòng thông tin thuộc viện nghiên cứu, vụ- 3 đơn vị.

Xét về tổ chức, biên chế, kinh phí, tiềm lực thông tin và tin học hóa và nhất là kết quả hoạt động, các đơn vị trên được tạm phân thành 3 loại: Loại 1. Đơn vị tương đối mạnh- 18 đơn vị. Loại 2. Đơn vị khá- 10 đơn vị. Loại 3. Đơn vị trung bình và yếu kém- 26 đơn vị.

Khối địa phương gồm 63 đơn vị, trong đó:

- 35 trung tâm thông tin (tên gọi khác nhau: Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN; Trung tâm Thông tin KH&CN và Tin học, Trung tâm Thông tin và Chuyển giao công nghệ, Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Thông tin-Tư liệu, Trung tâm Thông tin công nghệ);

- 26 phòng (Phòng Thông tin KH&CN, Phòng Thông tin-Tư liệu, Phòng Thông tin và Sở hữu Trí tuệ, Phòng Thông tin-SHTT và An toàn bức xạ);

- 2 sở KH&CN Lào Cai, Tây Ninh chưa có tổ chức thông tin độc lập, chức năng

thông tin do Phòng Quản lý KH đảm nhận.

Đánh giá theo tiêu chí về tổ chức, biên chế, kinh phí, tiềm lực thông tin và tin học hóa và kết quả phục vụ thông tin [9], các tổ chức thông tin KH&CN địa phương được phân thành 4 loại. Đó là:

- Loại 1. Đơn vị tương đối mạnh (9 đơn vị): Trung tâm Thông tin ở các tỉnh/Tp. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Thái Nguyên, Quảng Bình, Đồng Nai, An Giang, Cần Thơ, Đà Nẵng và Hà Nội.

- Loại 2. Đơn vị khá (10 đơn vị): Trung tâm thông tin của các tỉnh/Tp. Bà Rịa-Vũng Tàu, Bắc Giang, Bình Thuận, Hà Giang, Nghệ An, Kiên Giang, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị và Vĩnh Phúc

- Loại 3. Đơn vị trung bình (29 đơn vị) và Loại 4. Đơn vị yếu kém (15 đơn vị).

Một vài nhận xét:

- Nếu xét về tư cách pháp nhân (có con dấu, tài khoản riêng), trong số 106 đơn vị thông tin KH&CN thuộc Bộ, ngành và địa phương, chỉ có 70 đơn vị đủ tư cách để làm đề án, thủ tục chuyển đổi theo Nghị định 115, 36 đơn vị còn lại cần phải kiện toàn về tổ chức hoặc có phương án sáp nhập.

- Có 4 mô hình hoạt động chủ yếu là: Thông tin+Thư viện; Thông tin+Thư viện+SHTT; Thông tin+Thư viện+Thống kê KH&CN; Thông tin+Thư viện+Thống kê KH&CN+Ứng dụng TBKT- tất cả đều ứng dụng CNTT tuy mức độ khác nhau, tùy vào điều kiện cụ thể của từng nơi. Mô hình thứ 4 mới xuất hiện gần đây, theo chúng tôi là mô hình có khả năng phát

triển tốt khi chuyển đổi theo Nghị định 115 (đặc biệt đối với địa phương) vì nó đáp ứng nhu cầu thực tế và tạo ra sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các mảng công việc. Vấn đề này nên được các tổ chức thông tin KH&CN nghiên cứu kỹ khi làm đề án chuyển đổi.

- Bộ KH&CN cần tổ chức đánh giá, phân loại các tổ chức thông tin KH&CN để chỉ đạo, hỗ trợ đầu tư hạ tầng, tiềm lực, đồng thời thúc đẩy lộ trình chuyển đổi (chẳng hạn những đơn vị sớm chuyển đổi sẽ được ưu tiên đầu tư,...).

2. Hiện trạng hoạt động

Qua khảo sát một số tổ chức thông tin KH&CN và phân tích các kết quả đã được công bố [7, 8 và 9], hiện trạng hoạt động của hầu hết các tổ chức thông tin KH&CN Bộ, ngành và địa phương được khái quát như sau:

- Cơ sở vật chất còn yếu (nhiều nơi chưa có trụ sở, diện tích làm việc chật hẹp, hạ tầng mạng và trang thiết bị hạn chế,...);

- Tiềm lực thông tin KH&CN nhỏ bé, nhất là tiềm lực thông tin số hóa. Chất lượng và sản phẩm thông tin đưa ra phục vụ chưa cao (do hạn chế về nguồn, về lực lượng xử lý tin,...), các CSDL hầu hết nhỏ từ vài trăm đến vài nghìn biểu ghi, CSDL nội sinh, đặc thù lớn, có khả năng đáp ứng nhu cầu của người dùng rất ít. Nhiều CSDL chưa được đưa lên phục vụ trên mạng. Nhìn chung, chưa có nhiều sản phẩm thông tin có giá trị gia tăng cao, có thể cạnh tranh trên thị trường;

- Đội ngũ cán bộ còn mỏng (về số lượng và chất lượng, thiếu cán bộ lãnh đạo

giỏi, thiếu cán bộ nòng cốt), không ổn định, hay chuyển, nhiều cán bộ chưa thực sự gắn bó với nghề nghiệp;

- Về hoạt động có thu: hầu hết các sản phẩm, dịch vụ thông tin KH&CN trong Mạng lưới đều được Nhà nước bao cấp (thu không đủ chi). Các tổ chức thông tin KH&CN thu từ sản phẩm, dịch vụ thông tin không đáng kể, đa số thu được nhờ các hoạt động khác. Ví dụ, theo số liệu trung bình 3 năm gần đây, số thu từ các hoạt động khác của một số đơn vị: Trung tâm Thông tin KH&CN Tp. Hồ Chí Minh- 600 triệu/năm (trong tổng số 900 triệu/năm), Hải Dương- 150 triệu/năm (trong tổng 170 triệu/năm), Nghệ An- 45 triệu/năm (trong tổng 65 triệu/năm), Quảng Trị- 570 triệu/năm, Bà Rịa Vũng Tàu- 180 triệu/năm, Ninh Thuận- 300 triệu/năm, Khánh Hòa- 200 triệu/năm, Bắc Giang- 100 triệu/năm. Số thu từ sản phẩm, dịch vụ thông tin của đa số địa phương chỉ vài chục triệu đồng/năm, chẳng hạn: Phú Thọ- 30 triệu, Cao Bằng- 52 triệu, Bình Định- 20 triệu, Hậu Giang- 10 triệu,... Các nguồn khác được đề cập ở đây là hoạt động tin học, quảng cáo, tổ chức hội nghị, hội thảo, dịch thuật, giới thiệu chào bán công nghệ,...

Như vậy, cho đến nay, hoạt động của tất cả các tổ chức thông tin KH&CN công lập các ngành, các cấp đều được bao cấp. Nguồn kinh phí thu từ các sản phẩm, dịch vụ không đáng kể. Đây là một khó khăn lớn cho các tổ chức này khi chuyển sang cơ chế mới theo Nghị định 115.

II. Tình hình chuyển đổi theo Nghị định 115

Đến nay, số tổ chức thông tin KH&CN đã chuyển hoặc đang trình đề án chuyển đổi còn ít. Cụ thể là, trong tổng số 70 đơn

vị thông tin Bộ, ngành và địa phương có tư cách pháp nhân, mới chỉ có 5 tổ chức đã chuyển đổi (chiếm hơn 7%), chưa kể một đơn vị hoạt động theo Nghị định 43 là Viện thông tin và Thư viện Y học Trung ương. Số tổ chức thông tin KH&CN đã hoặc đang xây dựng, đang trình đề án chiếm gần 50%, trong đó nhiều tổ chức mới chỉ xây dựng đề án một cách hình thức. Số còn lại (khoảng 43%) chưa có hướng chuyển đổi, chưa quan tâm hoặc chưa ổn định tổ chức.

1. Thuận lợi

Theo chúng tôi, chuyển đổi theo Nghị định 115 các tổ chức thông tin KH&CN có 3 thuận lợi chính, đó là:

- Các tổ chức thông tin KH&CN là tổ chức dịch vụ công và như vậy được xếp vào khoản 3, Điều 4 Nghị định 115, tức là thuộc diện "... phục vụ quản lý nhà nước" và "được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên theo nhiệm vụ được giao; được sắp xếp lại, củng cố và ổn định tổ chức để nâng cao hiệu quả hoạt động". Đây là điều rất thuận lợi vì việc đảm bảo kinh phí cho hoạt động thường xuyên của Nhà nước chính là yếu tố ổn định đối với tổ chức thông tin KH&CN chuyển đổi.

- Các tổ chức thông tin KH&CN thường là tổ chức nhỏ, số lượng cán bộ ít nên có thể chuyển đổi nhanh;

- Các sản phẩm, dịch vụ thông tin KH&CN khá đa dạng. Ngoài ra, các tổ chức thông tin KH&CN còn có thể mở rộng sang các hoạt động KH&CN khác theo quy định của Luật KH&CN và Nghị định 115.

2. Khó khăn

Khi chuyển đổi theo Nghị định 115, hầu hết các tổ chức thông tin KH&CN công lập đều gặp nhiều khó khăn hơn so với các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Ngoài những nguyên nhân đã nêu trong phần hiện trạng và hoạt động ở trên còn có các lý do sau:

- Hoạt động theo cơ chế bao cấp nhiều năm đã làm cho nhiều tổ chức thông tin KH&CN cũng như cán bộ lãnh đạo e ngại sự thay đổi, nhất là thay đổi cơ chế, phương thức;

- Hệ thống văn bản hướng dẫn cụ thể cho hoạt động thông tin KH&CN chưa đáp ứng nhu cầu;

- Xã hội còn ít hiểu về tầm quan trọng của các tổ chức thông tin KH&CN nên thiếu sự ủng hộ. Thị trường thông tin KH&CN gần như chưa có. Đa số người dùng tin chưa có thói quen trả tiền để sử dụng thông tin.

3. Điều kiện cần và đủ

Để có thể chuyển đổi và chuyển đổi có hiệu quả, các tổ chức thông tin KH&CN phải hướng tới những nội dung sau:

- Cơ cấu tổ chức hợp lý, ổn định, có đội ngũ cán bộ tốt (về số lượng và chất lượng).

- Cơ sở hạ tầng đủ khả năng đáp ứng hoạt động trong điều kiện mới.

- Tiềm lực thông tin đủ ngưỡng, nhất là thông tin số hóa. Tài liệu, thông tin được cập nhật kịp thời, được xử lý bài bản. Có chiến lược marketing hợp lý và tạo lập được các sản phẩm, dịch vụ có thể cạnh tranh trên thị trường nhằm tăng nguồn thu.

III. Kiến nghị, đề xuất

Xuất phát từ tình hình hoạt động thực tiễn của các tổ chức thông tin KH&CN cũng như từ những nội dung, lộ trình, yêu cầu đối với việc chuyển đổi cơ chế theo Nghị định 115, xin có một số đề xuất dưới đây.

Về phía Nhà nước

Các cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản cấp trên của các tổ chức thông tin KH&CN cần triển khai những nội dung sau:

1. Chỉ đạo sát sao tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể để các tổ chức thông tin KH&CN, nhất là cán bộ lãnh đạo hiểu đúng tinh thần Nghị định 115, giúp họ an tâm và quyết tâm chuyển đổi;

2. Xác định rõ, cụ thể hóa và hiện thực hóa cơ chế, giải pháp kinh phí của Nhà nước cấp cho:

- Đầu tư cơ bản, hỗ trợ duy trì phát triển hạ tầng (trước, trong và sau chuyển đổi). Các tổ chức chuyển đổi cần được ưu tiên (trong việc xây dựng trụ sở, tăng cường trang thiết bị, hạ tầng mạng, cổng thông tin và Website) thông qua các dự án đầu tư hoặc nâng cấp;

- Hoạt động thường xuyên, thông qua cơ chế ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cụ thể, bao gồm: bổ sung nguồn tin cơ bản, xuất bản ấn phẩm/bản tin phục vụ lãnh đạo, tạo lập và phát triển một số CSDL chủ chốt mang ý nghĩa quốc gia, ngành hay địa phương, phục vụ công (thư viện, cơ quan chủ quản, lãnh đạo Đảng và Nhà nước,...);

- Giải quyết nhiệm vụ đột xuất (do cơ quan cấp trên yêu cầu hoặc do tổ chức

thông tin để xuất hàng năm khi xây dựng kế hoạch, chẳng hạn như: tổng luận, tài liệu chuyên đề, sưu tập thông tin dữ kiện, niên giám thống kê KH&CN, sách KH&CN, CSDL đặc thù, triển lãm KH&CN, techmart,...).

Như vậy, kinh phí nhà nước là nguồn hỗ trợ để tổ chức thông tin KH&CN hoạt động bình thường (ít nhất như trước khi chuyển đổi nhưng có quyền tự chủ cao hơn). Ngoài ra, tổ chức thông tin KH&CN còn có thể thu phí từ dịch vụ, sản phẩm để xây dựng các quỹ và tăng thêm thu nhập cho cán bộ.

3. Phân loại các tổ chức thông tin KH&CN và đưa ra lộ trình chuyển đổi hợp lý, khả thi ở các cấp. Lộ trình này phải tương hợp với kế hoạch đầu tư cơ bản và xây dựng tiềm lực của Nhà nước đối với các tổ chức thông tin KH&CN;

4. Văn bản hóa các chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với các tổ chức thông tin KH&CN chuyển đổi theo Nghị định 115 (tài liệu quy phạm pháp luật và tài liệu hướng dẫn, mẫu biểu kế hoạch, hợp đồng sản phẩm, nhiệm vụ, tài liệu về định mức, đơn giá,...).

Về phía các tổ chức thông tin KH&CN

1. Trước hết, cần hiểu đúng tinh thần Nghị định 115, sau chuyển đổi vẫn là đơn vị sự nghiệp khoa học của Nhà nước nhưng được quyền tự chủ cao hơn, không bắt buộc phải chuyển thành tổ chức tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên. Các tổ chức thông tin KH&CN được xếp vào khoản 3, Điều 4, được ngân sách tiếp tục cấp kinh phí hoạt động thường xuyên lâu dài theo phương thức

khoản (không cấp theo biên chế, mà cấp theo nhiệm vụ, sản phẩm); mức khoán không thấp hơn năm 2005 (hoặc năm trước chuyển đổi); được chủ động điều chỉnh các nội dung chi (khi tinh giản biên chế, tiết kiệm chi) kể cả việc tăng thu nhập cho người làm việc trong mức khoán;

2. Phải có quyết tâm, định hướng đúng và kịp thời việc chuyển đổi. Khẩn trương xây dựng tiềm lực thông qua các đề án đầu tư;

3. Xây dựng một cách bài bản đề án chuyển đổi (đây là điều bắt buộc với tất cả các tổ chức KH&CN): chọn/đề xuất lộ trình phù hợp, đồng thời xây dựng và trình duyệt các dự án đầu tư trong đó có xây dựng tiềm lực;

4. Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên thông qua ký hợp đồng hàng năm với Nhà nước. Đề xuất các sản phẩm/nhiệm vụ đột xuất để có thêm kinh phí từ ngân sách Nhà nước ngoài kinh phí thu được từ dịch vụ, sản phẩm;

5. Tập trung phát triển các hướng hoạt động tiềm năng, nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có, tạo ra sản phẩm mới. Làm tốt hoạt động tiếp thị, lấy thị trường là trung tâm. Nâng cao uy tín, thương hiệu của tổ chức thông tin KH&CN thông qua các sản phẩm, dịch vụ. Đây chính là hướng giúp tăng nguồn thu cho phát triển đơn vị và nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên.

Kết luận

1. Đối với các tổ chức thông tin KH&CN, việc chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo tinh thần

Nghị định 115 vừa là thời cơ vừa là thách thức. Việc hiểu đúng, hiểu đầy đủ Nghị định 115 và những văn bản liên quan sẽ giúp các tổ chức thông tin KH&CN an tâm, tin tưởng và quyết tâm chuyển đổi. Kinh nghiệm và kết quả của một số đơn vị đã chuyển đổi càng cho phép khẳng định tính khả thi và hiệu quả của việc chuyển đổi này.

2. Các tổ chức thông tin KH&CN không bắt buộc phải chuyển đổi thành tổ chức tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên nhưng vẫn phải xây dựng “Đề án kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động” để được hưởng quyền tự chủ toàn diện. Sau chuyển đổi, các tổ chức thông tin KH&CN vẫn là đơn vị sự nghiệp của Nhà nước nhưng được quyền tự chủ cao hơn, được Nhà nước tiếp tục cấp kinh phí hoạt động thường xuyên theo phương thức khoán. Các nguồn kinh phí đầu tư phát triển, nhiệm vụ KH&CN và hợp tác quốc tế vẫn được ngân sách đảm bảo theo cơ chế như trước. Cán bộ thông tin KH&CN vẫn là viên chức sự nghiệp của Nhà nước, được hưởng đầy đủ các quyền lợi viên chức mà không phải chuyển sang chế độ “doanh nhân”.

3. Với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Nghị định 115 và Nghị định 80 đến nay đã tương đối đầy đủ, rõ ràng và sẽ tiếp tục được bổ sung, cụ thể hóa; Với sự chỉ đạo sâu sát hơn của Bộ KH&CN, cùng sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, các địa phương; Sự hiện diện của “Chương trình phát triển doanh nghiệp KH&CN và hỗ trợ các tổ chức KH&CN công lập chuyển sang hoạt động

theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm”; Việc Nhà nước cho phép lùi lộ trình chuyển đổi đến hết năm 2011 (đối với khối Trung ương) và đến hết 2013 (đối với khối địa phương),... chúng ta tin tưởng rằng, các tổ chức thông tin KH&CN công lập sẽ chuyển đổi thành công sang cơ chế mới.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ Quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.
2. Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 5/6/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định 115/2005/NĐ-CP.
3. Quyết định số 08/2007/QĐ-BKHCN ngày 6/4/2007 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành Quy định về Tiêu chí xác định tổ chức KH&CN nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước.
4. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tổ chức KH&CN công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP của Chính phủ về Doanh nghiệp KH&CN.-Tài liệu Hội nghị trực tuyến sơ kết thực hiện Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 80/2007/NĐ-CP, H., 29/5/2009., tr.1 -14.
5. Nguyễn Quân. Thời cơ và thách thức đối với các tổ chức KH&CN khi thực hiện cơ chế tự chủ. Báo cáo tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc sơ kết Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP, H., 29/05/2009.
6. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ - CP của Chính phủ về Doanh nghiệp KH&CN. Báo cáo tại Hội nghị quán triệt và triển khai Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 80/2007/NĐ-CP của Bộ KH&CN.(H., ngày 25/03/2009).
7. Nguyễn Tiến Đức. Bàn về tổ chức và hoạt động thông tin KH&CN ở địa phương.-Tạp chí Thông tin và Tư liệu, 2007, số 4, tr.6-14.
8. Kỳ yếu Hội nghị ngành thông tin KH&CN lần thứ V.- H. 2005, tr.3-14.
9. Nghiên cứu xây dựng mô hình thư viện điện tử về KH&CN tại cơ quan thông tin KH&CN địa phương (Báo cáo tổng kết ĐT nghiên cứu cấp Bộ, 2007, Nguyễn Tiến Đức).